

Chương VIII. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Mục này bao gồm các biểu mẫu và dự thảo Hợp đồng mà sau khi hoàn chỉnh các thông tin (khi có kết quả lựa chọn nhà thầu và hoàn thành thương thảo) sẽ trở thành Hợp đồng xây dựng để thực hiện gói thầu (khi thương thảo hoàn thiện hợp đồng, nhà thầu có thể đề xuất điều chỉnh một số nội dung trong dự thảo hợp đồng, nếu đề xuất điều chỉnh không được Chủ đầu tư chấp thuận thì các bên vẫn phải tuân thủ các nội dung, điều khoản trong dự thảo hợp đồng nêu trong hồ sơ mời thầu để ký kết hợp đồng). Mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng, mẫu bảo lãnh tiền tạm ứng và các mẫu cam kết sử dụng tiền tạm ứng dành cho Nhà thầu trúng thầu ghi thông tin và hoàn chỉnh sau khi được trao hợp đồng.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sơn La, ngày tháng năm 2025

HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

Số: .../2025/HĐ-BHXD

**Tên gói thầu: Gói thầu số 24: Bảo hiểm công trình Km63+500-
Km74+500**

**Dự án: Dự án thành phần đầu tư xây dựng công trình giao thông
thuộc dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Hòa Bình - Mộc
Châu, đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La.**

GIỮA

**BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH
GIAO THÔNG TỈNH SƠN LA**

VỚI

.....

Sơn La, tháng năm 2025

MỤC LỤC

PHẦN 1. THÔNG TIN GIAO DỊCH

PHẦN 2. CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

PHẦN 3. CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Các định nghĩa và diễn giải

Điều 2. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên

Điều 3. Trao đổi thông tin

Điều 4. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong Hợp đồng

Điều 5. Nội dung bảo hiểm

Điều 6. Hình thức hợp đồng, giá hợp đồng

Điều 7. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

Điều 8. Tạm ứng và thanh toán hợp đồng

Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu

Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư

Điều 11. Trách nhiệm đối với tái bảo hiểm

Điều 12. Nhà thầu phụ

Điều 13. Tạm dừng và chấm dứt hợp đồng bởi chủ đầu tư

Điều 14. Tạm dừng và chấm dứt hợp đồng bởi nhà thầu

Điều 15. Xử lý vi phạm hợp đồng

Điều 16. Quyết toán và thanh lý hợp đồng

Điều 17. Giải quyết tranh chấp

Điều 18. Hiệu lực của hợp đồng

Điều 19. Điều khoản chung

PHẦN 1- THÔNG TIN GIAO DỊCH

Hôm nay, ngày tháng năm 2025, tại Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, tỉnh Sơn La chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1. Chủ đầu tư

Tên giao dịch: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, tỉnh Sơn La.

Đại diện là: - Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Số 46, đường Lò Văn Giá, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La.

Điện thoại: 02123 852 753

Mã số thuế: 5500364406

Tài khoản: 9552.2.8049565. Mở tại: Phòng Nghiệp vụ 2- Kho bạc Nhà nước Khu vực X.

2. Nhà thầu bảo hiểm

Tên giao dịch:

Đại diện là: - Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Thành lập theo các văn bản:

Hai bên cùng thống nhất ký hợp đồng Gói thầu số 24: Bảo hiểm công trình Km63+500-Km74+500, Dự án thành phần đầu tư xây dựng công trình giao thông thuộc dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Hòa Bình – Mộc Châu, đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La, như sau:

PHẦN 2- CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

- Bộ Luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024;
- Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 và số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025;
- Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 ngày 16/6/2022;
- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 07/11/2020;
- Luật Đường bộ số 35/2024/QH15 ngày 27/6/2024;
- Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15 ngày 27/6/2024;
- Luật Đường sắt số 95/2025/QH15 ngày 27/6/2025;

- Các Nghị định của Chính phủ số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ; Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 về quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

- Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26/9/2025 của Chính phủ Quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

- Các Nghị định của Chính phủ số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 về Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; số 46/2023/NĐ-CP ngày 01/7/2023 Quy định chi tiết thi hành Luật Kinh doanh bảo hiểm; số 67/2023/NĐ-CP ngày 06/9/2023 Quy định về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới, bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc, bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng;

- Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Nghị định 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

- Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

- Các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng: Số 06/2021/TT-BXD ngày 30/06/2021 Quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng; số 02/2025/TT-BXD ngày 31/3/2025 về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

- Các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 về Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia; số 80/2025/TT-BTC ngày 08/8/2025 về Quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu;

- Nghị quyết số 299/NQ-HĐND ngày 10/3/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La về Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La;

- Quyết định số 424/QĐ-UBND ngày 13/3/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La về việc giao chủ đầu tư các dự án thành phần thuộc dự án Đầu tư xây dựng

tuyến đường bộ cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La;

- Quyết định số 1999/QĐ-UBND ngày 24/9/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án thành phần đầu tư xây dựng công trình giao thông thuộc dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La;

- Các Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La số 1130/QĐ-UBND ngày 14/6/2024 về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025; số 2725/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 về việc giao kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách Trung ương năm 2025; số 99/QĐ-UBND ngày 14/01/2025 về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn ngân sách Trung ương; số 580/QĐ-UBND ngày 14/3/2025 về việc giao kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn ngân sách Trung ương (vốn trong nước) (đợt 3) thực hiện dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La;

- Các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La số 2038/QĐ-UBND ngày 28/9/2024 về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu một số gói thầu Dự án thành phần đầu tư xây dựng công trình giao thông; số 259/QĐ-UBND ngày 10/02/2025 và số 798/QĐ-UBND ngày 08/4/2025 về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án thành phần đầu tư xây dựng công trình giao thông thuộc dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La;

- Các Quyết định của Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông số 121/QĐ-BQLDA ngày 03/7/2025 về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu; số 177/QĐ-BQLDA ngày 26/9/2025 về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án thành phần đầu tư xây dựng công trình giao thông thuộc dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La;

- Các Quyết định của Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông số 113/QĐ-BQLDA ngày 26/06/2025 về việc Phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (thiết kế kỹ thuật) đoạn Km53-Km74+500; số 126/QĐ-BQLDA ngày 09/7/2025 về việc điều chỉnh một số nội dung thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (thiết kế kỹ thuật) đoạn Km53-Km74+500 Dự án thành phần đầu tư xây dựng công trình giao thông thuộc dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La;

- Các Quyết định của Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông số 58/QĐ-BQLDA ngày 14/3/2025 về việc phê duyệt chỉ dẫn kỹ thuật; số 115/QĐ-BQLDA ngày 29/6/2025 về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung chỉ dẫn kỹ thuật Dự án thành phần đầu tư xây dựng công trình giao thông thuộc dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La;

- Các Quyết định của Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông số 127/QĐ-BQLDA ngày 09/7/2025 về việc phê duyệt dự toán xây dựng đoạn Km63+500-Km74+500; số 175/QĐ-BQLDA ngày 24/9/2025 về việc phê

duyet điều chỉnh dự toán gói thầu số 24: Bảo hiểm công trình Km63+500-Km74+500 Dự án thành phần đầu tư xây dựng công trình giao thông thuộc dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La.

- Các Quyết định của Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông số ngày .../.../2025 về việc phê duyệt E-HSMT gói thầu số 24: Bảo hiểm công trình Km63+500-Km74+500 thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu một số gói thầu Dự án thành phần đầu tư xây dựng công trình giao thông thuộc dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La;

- Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng ngày .../.../2024 giữa Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông với;

- Quyết định số ngày .../.../2025 của Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông về việc phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà thầu gói thầu số 24: Bảo hiểm công trình Km63+500-Km74+500 Dự án thành phần đầu tư xây dựng công trình giao thông thuộc dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La.

- Văn bản số .../... ngày/...../2025 của nhà thầu về việc Chấp thuận hoàn thiện, ký kết hợp đồng thực hiện Gói thầu số 24: Bảo hiểm công trình Km63+500-Km74+500, Dự án thành phần đầu tư xây dựng công trình giao thông thuộc dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La.

PHẦN 3 - CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Các định nghĩa và diễn giải

Các từ và cụm từ trong Hợp đồng này được hiểu theo các định nghĩa và diễn giải sau đây:

1. “*Chủ đầu tư*” là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông.
2. “*Nhà thầu*” là
3. “*Dự án*” là Dự án thành phần đầu tư xây dựng công trình giao thông thuộc dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La.
4. “*Công trình được bảo hiểm*” là gói thầu số 27: Xây lắp công trình Km63+500-Km74+500, Dự án thành phần đầu tư xây dựng công trình giao thông thuộc dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La.
5. “*Gói thầu*” là Gói thầu 24: Bảo hiểm công trình Km63+500-Km74+500.
6. “*Đại diện Chủ đầu tư*” là người được Chủ đầu tư nêu ra trong Hợp đồng hoặc được ủy quyền và thay mặt cho Chủ đầu tư điều hành công việc.
7. “*Đại diện Nhà thầu*” là người được Nhà thầu nêu ra trong Hợp đồng hoặc được Nhà thầu chỉ định và thay mặt Nhà thầu điều hành công việc.
8. “*Nhà thầu phụ*” là tổ chức, cá nhân ký hợp đồng với Nhà thầu để tham gia thực hiện công việc phi tư vấn.

9. “*Hợp đồng bảo hiểm viết tắt là HĐBH*” là thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo.

10. “*Hồ sơ mời thầu của Chủ đầu tư*” là toàn bộ tài liệu theo quy định tại Hồ sơ mời thầu của Chủ đầu tư .

11. “*Hồ sơ dự thầu của Nhà thầu*” là toàn bộ tài liệu theo quy định tại Hồ sơ dự thầu của Nhà thầu gồm có đề xuất về kỹ thuật và đề xuất về tài chính.

12. “*Đơn dự thầu*” là đề xuất của Nhà thầu có ghi giá dự thầu để thực hiện công việc theo đúng các yêu cầu của hồ sơ mời thầu.

13. “*Bên*” là Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu tùy theo hoàn cảnh cụ thể.

14. “*Chủ đầu tư (hay Người được bảo hiểm)*” là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông với tư cách Chủ đầu tư, các Nhà thầu thi công xây dựng và các bên khác có quyền lợi liên quan trực tiếp đến công trình.

15. “*Nhà thầu bảo hiểm (hay Người bảo hiểm)*” là Nhà thầu trúng thầu - Đơn vị cung cấp dịch vụ bảo hiểm và chịu trách nhiệm bồi thường tổn thất cho Hợp đồng bảo hiểm này.

16. “*Thiên tai*” là những biến cố của thiên nhiên nằm ngoài sự kiểm soát của con người như bão, lũ lụt, động đất, v.v...

17. “*Biến cố (hay sự cố, hay sự kiện bảo hiểm, hay rủi ro được bảo hiểm)*” là sự kiện xảy ra khách quan, không lường trước được mà khi sự kiện này xảy ra thì người bảo hiểm phải bồi thường (trả tiền/ thanh toán tổn thất) phần thiệt hại đó cho người được bảo hiểm hoặc người thụ hưởng theo quy định trong Hợp đồng này.

18. “*Giấy Chứng nhận bảo hiểm*” (*Viết tắt là GCNBH*) là văn bản tóm tắt các thông tin xác nhận bảo hiểm do Nhà thầu phát hành trên cơ sở thông tin và yêu cầu của Chủ đầu tư cung cấp.

19. “*Điều khoản bổ sung*” là các điều khoản mở rộng hoặc hạn chế phạm vi bảo hiểm.

20. “*Mức khấu trừ*” là số tiền mà Chủ đầu tư phải tự gánh chịu trong mỗi sự kiện bảo hiểm.

21. “*Những điểm loại trừ (hay rủi ro bị loại trừ)*” là những điều khoản trong điều khoản sửa đổi bổ sung chỉ ra những điểm không được bảo hiểm và Người bảo hiểm không có trách nhiệm bồi thường.

22. “*Hoàn thành thực tế (hay hoàn thành)*” là việc Nhà thầu hoàn tất các nội dung công việc theo các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp đồng.

23. “*Phạm vi bảo hiểm*” là toàn bộ những rủi ro được bảo hiểm theo các điều khoản sửa đổi bổ sung tại Hợp đồng bảo hiểm này; bất kỳ rủi ro nào trong Hợp đồng bảo hiểm này không được quy định rõ là loại trừ (rủi ro loại trừ hay điều khoản loại trừ) thì rủi ro đó mặc nhiên được bảo hiểm.

24. “*Phí bảo hiểm*” hay giá trị hợp đồng là số tiền Người được bảo hiểm phải thanh toán cho Người bảo hiểm (bao gồm cả 10% thuế VAT) theo các quy định của Hợp đồng bảo hiểm này.

25. “*Số tiền bảo hiểm*” là hạn mức trách nhiệm cao nhất mà Người bảo hiểm phải trả

cho Người được bảo hiểm trong trường hợp xảy ra tổn thất trong suốt thời hạn bảo hiểm.

26. “*Bên thứ ba (người thứ ba)*” là những tổ chức, cá nhân không phải là Chủ đầu tư hoặc Người được bảo hiểm hoặc Người thụ hưởng bảo hiểm, họ phải gánh chịu tổn thất hoặc có quyền nhận tiền bồi thường do hoạt động hay sai sót của Người được bảo hiểm gây ra.

27. “*Trách nhiệm đối với bên thứ ba*” là trách nhiệm pháp lý của Người được bảo hiểm đối với bên thứ ba phát sinh do việc thi công xây dựng/lắp đặt được bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm này tại công trường xây dựng hoặc khu vực lân cận do hoạt động hay sai sót của Người được bảo hiểm gây ra.

28. “*Ngày*” được hiểu là ngày dương lịch và tháng được hiểu là tháng dương lịch (bao gồm cả các ngày nghỉ, lễ, tết).

29. “*Ngày làm việc*” là ngày dương lịch, trừ ngày nghỉ, ngày lễ, tết theo quy định của pháp luật.

30. “*Luật*” là toàn bộ hệ thống luật pháp của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

31. “*Bất khả kháng*” là những sự kiện hoặc tình huống nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường trước, không thể tránh được mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các bên. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch và cấm vận hàng hóa.

Các thuật ngữ khác không được đề cập ở đây được hiểu là sử dụng theo quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 2. Hồ sơ Hợp đồng và thứ tự ưu tiên

1. Hồ sơ Hợp đồng bao gồm hợp đồng và các tài liệu tại khoản 2 dưới đây;

2. Các tài liệu kèm theo Hợp đồng là bộ phận không tách rời của hợp đồng tư vấn xây dựng. Các tài liệu kèm theo Hợp đồng và thứ tự ưu tiên để xử lý mâu thuẫn giữa các tài liệu bao gồm:

- a) Hợp đồng bảo hiểm;
- b) Văn bản phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà thầu, thông báo trúng thầu;
- c) Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng.
- d) Hồ sơ mời thầu của bên giao thầu;
- đ) Các bản vẽ thiết kế và các chỉ dẫn kỹ thuật;
- e) Hồ sơ dự thầu của bên nhận thầu;
- g) Giấy yêu cầu bảo hiểm;
- h) Giấy chứng nhận bảo hiểm;
- i) Các phụ lục của hợp đồng;
- k) Các tài liệu khác có liên quan.

3. Thứ tự ưu tiên áp dụng các tài liệu kèm theo hợp đồng xây dựng áp dụng theo thứ tự quy định tại Khoản 2 Điều này.

Điều 3. Trao đổi thông tin

1. Các thông báo, chấp thuận, chứng chỉ, quyết định, ... yêu cầu đưa ra phải bằng văn bản và được chuyển đến bên nhận bằng đường bưu điện, bằng fax theo địa chỉ các bên đã quy định trong Hợp đồng.

2. Trường hợp bên nào thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo cho bên kia để đảm bảo việc trao đổi thông tin. Nếu bên thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho bên kia thì phải chịu mọi hậu quả do việc thay đổi địa chỉ mà không thông báo.

Điều 4. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong Hợp đồng

1. Hợp đồng này chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật của Việt Nam.
2. Ngôn ngữ của Hợp đồng này được thể hiện bằng tiếng Việt.

Điều 5. Nội dung bảo hiểm

1. Phạm vi công việc của nhà thầu cung cấp dịch vụ bảo hiểm

Nhà thầu bảo hiểm có trách nhiệm thực hiện toàn bộ các công việc thuộc gói thầu số 24: Bảo hiểm công trình Km63+500-Km74+500, Dự án thành phần đầu tư xây dựng công trình giao thông thuộc dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La đã được mô tả tại Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật của E-HSMT; thực hiện bồi thường cho mọi rủi ro, tổn thất trong quá trình thi công Gói thầu số 27: Xây lắp công trình Km63+500-Km74+500 (bao gồm cả thời gian bảo hành) và các hạng mục phát sinh do mọi nguyên nhân, loại trừ trách nhiệm bảo hiểm theo quy định tại khoản 2, Điều 34, Nghị định số 67/2023/NĐ-CP ngày 06/9/2023 của Chính phủ, cụ thể:

a) Bảo hiểm mọi rủi ro trong xây dựng và bảo hiểm trách nhiệm với bên thứ ba

- Là tất cả các công việc, đối tượng liên quan đến quá trình xây dựng các hạng mục công trình hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được duyệt (kể cả các công việc phát sinh, thay đổi được cấp thẩm quyền chấp thuận hoặc phê duyệt), bao gồm cả các hạng mục công trình chính, công trình phụ trợ, công trình tạm phục vụ quá trình tổ chức thi công và các ảnh hưởng khác đối với bên thứ 3.

- Các thiết bị đã được lắp đặt và đang lắp đặt các thiết bị đó vào công trình, bao gồm toàn bộ giá trị của các thiết bị trên tại thời điểm hoàn thành việc lắp đặt hoặc theo hóa đơn mua bán của nhà thầu.

- Phần công việc lắp đặt phục vụ và/ hoặc cấu thành một bộ phận của quá trình xây dựng, hoặc phần công việc xây dựng phục vụ và/ hoặc cấu thành một bộ phận của quá trình lắp đặt.

- Tài sản sẵn có trên và trong phạm vi công trường thuộc quyền sở hữu, quản lý, trông nom, kiểm soát của người được bảo hiểm.

- Người tham gia giao thông, tổ chức, cá nhân, nhân dân sống quanh khu vực xây dựng và các công trình xây dựng của các hộ dân xung quanh khu vực xây dựng công trình.

b) Chất lượng sản phẩm hợp đồng của Nhà thầu bảo hiểm: Chất lượng, tiến độ, khối lượng sản phẩm hợp đồng phải phù hợp với nội dung hợp đồng được ký kết giữa các bên; đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật về xây dựng và pháp luật

liên quan khác; tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn chuyên ngành áp dụng cho hợp đồng. Những sai sót trong sản phẩm của hợp đồng phải được Nhà thầu hoàn chỉnh theo đúng các điều, khoản thỏa thuận trong hợp đồng. Chủ đầu tư sẽ thực hiện đánh giá chất lượng dịch vụ theo nguyên tắc và cách thức như sau: Thời hạn, trách nhiệm đối với sai sót; thời gian cử giám định viên đến hiện trường khi có tổn thất; trách nhiệm bảo hiểm mọi rủi ro trong xây dựng và bảo hiểm trách nhiệm với bên thứ ba; số tiền tạm ứng trước khi có tổn thất; thời gian thực hiện bồi thường của Nhà thầu để đánh giá chất lượng dịch vụ.

2. Loại hình bảo hiểm: Bảo hiểm mọi rủi ro trong xây dựng; các công trình liên quan và bảo hiểm trách nhiệm đối với bên thứ ba.

3. Bên mua bảo hiểm và người được bảo hiểm

- Bên mua bảo hiểm là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, tỉnh Sơn La.

- Người được bảo hiểm:

+ Chủ đầu tư là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Sơn La.

+ Nhà thầu chính, nhà thầu liên danh, các nhà thầu phụ và các bên khác có lợi ích, quyền lợi liên quan trong Dự án được mua bảo hiểm và cho các hoạt động công việc hữu hình trên công trường liên quan trực tiếp đến dự án của các bên này.

4. Công trình được bảo hiểm: Bảo hiểm cho mọi rủi ro liên quan đến thi công xây dựng công trình, các hạng mục xây dựng thuộc Gói thầu số 27: Xây lắp công trình Km63+500-Km74+500; địa điểm xây dựng công trình: Huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La.

5. Thời hạn bảo hiểm

Thực hiện theo tiến độ thi công gói thầu số 27 - Xây lắp công trình Km63+500-Km74+500, dự kiến là 30 tháng kể từ ngày khởi công công trình đến ngày kết thúc thời gian xây dựng (ngày ký biên bản bàn giao đưa công trình vào sử dụng cho đơn vị quản lý), bao gồm cả điều chỉnh, bổ sung (nếu có). Trong trường hợp thời gian thi công kéo dài hơn dự kiến (được sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền), Chủ đầu tư thông báo cho nhà thầu và nhà thầu có trách nhiệm gia hạn thời gian bảo hiểm tương ứng để thực hiện nghĩa vụ của mình (nếu nhà thầu không có văn bản gia hạn thời gian bảo hiểm thì được coi như đã chấp nhận gia hạn thời gian theo đúng yêu cầu của Chủ đầu tư), bên mua bảo hiểm và người được bảo hiểm sẽ không phải trả bất kỳ khoản phí bảo hiểm nào cho việc gia hạn bảo hiểm này.

6. Số tiền bảo hiểm

6.1. Giá trị vật chất

Số tiền bảo hiểm: Thực hiện theo dự toán gói thầu xây lắp đoạn Km63+500-Km74+500 đã được Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông phê duyệt tại Quyết định số 151/QĐ-BQLDA ngày 05/8/2025 là: **1.248.576.796.000 đồng**. (Bằng chữ: Một nghìn hai trăm bốn mươi tám tỷ năm trăm bảy mươi sáu triệu bảy trăm chín mươi sáu nghìn đồng). Trong đó:

- Số tiền bảo hiểm hạng mục công trình giao thông đường bộ cấp II (làm tròn): 647.638.594.000 đồng.

- Số tiền bảo hiểm hạng mục công trình cầu cấp I (làm tròn): 415.879.517.000 đồng.
- Số tiền bảo hiểm hạng mục công trình cầu cấp II (làm tròn): 175.086.842.000 đồng.
- Số tiền bảo hiểm hạng mục công trình cầu cấp III (làm tròn): 9.971.843.000 đồng.

Số tiền bảo hiểm nêu trên đã bao gồm đầy đủ các chi phí theo quy định tại Điều 33, Nghị định 67/2023/NĐ-CP ngày 06/9/2023 của Chính phủ.

6.2. Trách nhiệm với bên thứ ba

- Giới hạn trách nhiệm bảo hiểm đối với thiệt hại về sức khỏe, tính mạng là 100 triệu đồng cho một người trong một vụ và không giới hạn số vụ tổn thất.

- Giới hạn trách nhiệm về thiệt hại về tài sản và chi phí pháp lý có liên quan (nếu có) là 100 tỷ đồng cho cả thời hạn bảo hiểm và không giới hạn số vụ tổn thất.

7. Quyền lợi được bảo hiểm

Nhà thầu bảo hiểm sẽ bồi thường cho Bên được bảo hiểm những tổn thất, thiệt hại vật chất trực tiếp, bất ngờ và không lường trước được xảy ra trong quá trình thi công xây dựng Gói thầu số 27: Xây lắp công trình Km63+500-Km74+500 và các hạng mục phát sinh nằm trong giá trị Hợp đồng do mọi nguyên nhân không bị loại trừ theo Quy tắc bảo hiểm xây dựng lắp đặt và các điều khoản bổ sung kèm theo [quy định tại khoản 8. Điều kiện bảo hiểm, Điều này].

Nhà thầu bảo hiểm sẽ bồi thường cho Bên được bảo hiểm những trách nhiệm pháp lý phát sinh đối với thiệt hại về người như chết, thương tật thân thể và thiệt hại tài sản bên thứ ba phát sinh liên quan đến quá trình thi công Gói thầu 27: Xây lắp công trình Km63+500-Km74+500 (bảo hiểm miễn phí) theo quy tắc bảo hiểm và các điều khoản bổ sung kèm theo [quy định tại khoản 8. Điều kiện bảo hiểm, Điều này].

8. Điều khoản bảo hiểm

Tuân thủ theo quy tắc bảo hiểm xây dựng quy định tại Nghị định 67/2023/NĐ-CP ngày 06/9/2023 của Chính phủ và những điều khoản theo hồ sơ mời thầu này, bên mua bảo hiểm và người được bảo hiểm không phải trả thêm cho nhà thầu bảo hiểm bất kỳ một khoản phí bổ sung nào khác cho các điều khoản bổ sung dưới đây:

(1) ĐKBS MR001: Điều khoản bảo hiểm cho các tổn thất gây ra bởi đình công, gây rối, bạo loạn của quần chúng (GHTN: 50.000.000.000 VNĐ/mỗi vụ tổn thất và không giới hạn số vụ trong suốt thời gian bảo hiểm);

(2) ĐKBS MR002: Điều khoản bảo hiểm trách nhiệm chéo;

(3) ĐKBS MR004: Điều khoản bảo hành mở rộng (GHTN: 60 tháng với hạng mục móng mặt đường, 24 tháng đối với các hạng mục còn lại).

(4) ĐKBS MR006: Điều khoản bảo hiểm chi phí làm ngoài giờ, làm đêm, làm vào ngày lễ, chi phí vận chuyển tốc hành (GHTN: 50.000.000.000 VNĐ/ mỗi vụ tổn thất và không giới hạn số vụ trong suốt thời gian bảo hiểm);

(5) ĐKBS MR007: Điều khoản bảo hiểm cho chi phí vận chuyển hàng không (GHTN 50.000.000.000 VNĐ/mỗi vụ tổn thất và không giới hạn số vụ trong suốt thời gian bảo hiểm);

(6) ĐKBS MR013: Điều khoản bảo hiểm cho tài sản trong kho bãi ngoài công trường (GHTN: 50.000.000.000 VNĐ/mỗi vụ tổn thất và không giới hạn số vụ trong suốt thời gian bảo hiểm);

(7) ĐKBS MR101: Các điều kiện đặc biệt liên quan đến việc xây dựng đường hầm và các đường hầm ở các hầm mỏ, cấu trúc/thiết bị tạm thời hoặc vĩnh cửu nằm dưới bề mặt (tỷ lệ bồi thường tối đa: 125%).

(8) ĐKBS MR102: Điều kiện đặc biệt liên quan tới đường cáp ngầm, đường ống ngầm và các thiết bị ngầm khác (GHTN: 50.000.000.000 VNĐ/mỗi vụ tổn thất và không giới hạn số vụ trong suốt thời gian bảo hiểm);

(9) ĐKBS MR107: Những đảm bảo liên quan đến lều và kho chứa hàng.

(10) ĐKBS MR109: Cam kết liên quan đến vật liệu xây dựng;

(11) ĐKBS MR110: Điều kiện đặc biệt về các biện pháp an toàn đối với mùa mưa lũ và lụt (giông bão, đất trượt, động đất, mưa gió, sét đánh, ...);

(12) ĐKBS 111: Điều khoản bảo hiểm chi phí dọn dẹp hiện trường do sạt lở và khắc phục sụt lún (GHTN 40.000.000.000 VNĐ/mỗi vụ tổn thất và không giới hạn số vụ trong suốt thời gian bảo hiểm);

(13) ĐKBS MR112: Điều kiện đặc biệt về các thiết bị chống cháy và an toàn về cháy trên công trường (Giới hạn trách nhiệm: 50.000.000.000 đồng/mỗi vụ tổn thất và không giới hạn số vụ trong suốt thời gian bảo hiểm);

(14) ĐKBS MR115: Điều khoản về rủi ro thiết kế (GHTN: 50.000.000.000 VNĐ/ mỗi vụ tổn thất và không giới hạn số vụ trong suốt thời gian bảo hiểm);

(15) ĐKBS MR119: Tài sản của Chủ đầu tư hoặc tài sản thuộc quyền coi sóc, kiểm soát của Người được bảo hiểm (GHTN: 50.000.000.000 VNĐ/ mỗi vụ tổn thất và không giới hạn số vụ trong suốt thời gian bảo hiểm);

(16) ĐKBS MR120: Điều khoản về chấn động, dịch chuyển, hoặc suy yếu các bộ phận chống đỡ và liên quan đến kiến trúc, nhà dân, cơ quan, tổ chức và các tài sản khác của các đối tượng trên bị ảnh hưởng rạn, nứt, hư hỏng do thi công dự án gây nên (GHTN: 60.000.000.000 VNĐ/vụ và trong suốt thời hạn bảo hiểm. Mức khấu trừ: 5% giá trị tổn thất, tối thiểu 5.000.000 đồng/vụ)

(17) ĐKBS MR121: Các điều kiện đặc biệt liên quan đến công việc thi công móng cọc và tường chắn;

(18) ĐKBS ***: Điều khoản bảo hiểm cho chi phí chuyên gia (GHTN: 20.000.000.000 VNĐ/ mỗi vụ tổn thất và không giới hạn số vụ trong suốt thời gian bảo hiểm);

(19) ĐKBS ***: Điều khoản về bảo hiểm cho chi phí chuẩn bị hồ sơ bồi thường (GHTN: 200.000.000 đồng/mỗi vụ tổn thất và 2.000.000.000 VNĐ/trong suốt thời hạn bảo hiểm).

(20) ĐKBS ***: Điều khoản điều chỉnh thời gian (72 giờ);

(21) ĐKBS***: Tự động khôi phục số tiền bảo hiểm sau tổn thất.

(22) ĐKBS***: Bảo hiểm chi phí bản vẽ và tài liệu thiết kế (Giới hạn trách nhiệm: 10.000.000.000 đồng/vụ tổn thất và không giới hạn trong suốt thời hạn bảo hiểm)

(23) ĐKBS***: Điều khoản về thanh toán bồi thường tạm ứng (Giới hạn 50% giá trị tổn thất)

(24) ĐKBS***: Điều kiện đặc biệt liên quan đến rủi ro ẩm ướt

- (25) ĐKBS***: Điều khoản loại trừ ô nhiễm, nhiễm bẩn
- (26) ĐKBS***: Điều khoản loại trừ chiến tranh và nội chiến
- (27) ĐKBS***: Loại trừ rủi ro khủng bố
- (28) ĐKBS***: Điều khoản làm rõ.
- (29) ĐKBS***: Loại trừ rủi ro hạt nhân
- (30) ĐKBS***: Điều khoản trừng phạt thương mại quốc tế
- (31) ĐKBS***: Loại trừ bệnh truyền nhiễm
- (32) Điều khoản về bom, mìn chưa phá (Giới hạn trách nhiệm 3.000.000.000 VNĐ/ mỗi và mọi vụ tổn thất và cho toàn bộ thời hạn bảo hiểm)
- (33) Điều khoản về chi phí bảo vệ tạm thời (Giới hạn trách nhiệm 3.000.000.000 VNĐ/ mỗi và mọi vụ tổn thất và cho toàn bộ thời hạn bảo hiểm)
- (34) Điều khoản về chi phí cứu hỏa (Giới hạn trách nhiệm 3.000.000.000 VNĐ/ mỗi và mọi vụ tổn thất và cho toàn bộ thời hạn bảo hiểm);
- (35) Điều khoản về chi phí phá hủy, dọn dẹp, bảo vệ tạm thời và lắp đặt hàng rào (Giới hạn trách nhiệm 3.000.000.000 VNĐ/ mỗi và mọi vụ tổn thất và cho toàn bộ thời hạn bảo hiểm);
- (36) Điều khoản về Tổn thất hàng loạt;
- (37) Điều khoản bảo hiểm chi phí dọn dẹp hiện trường (Giới hạn trách nhiệm 3.000.000.000 VNĐ/ mỗi và mọi vụ tổn thất và cho toàn bộ thời hạn bảo hiểm);
- (38) Điều khoản về chỉ định giám định độc lập;
- (39) Điều khoản về chi phí xác định nguồn gốc tổn thất (Giới hạn trách nhiệm 3.000.000.000 VNĐ/ mỗi và mọi vụ tổn thất và cho toàn bộ thời hạn bảo hiểm).

9. Mức khấu trừ

a) Tổn thất vật chất trong xây dựng:

- Rủi ro thiên tai, sụt lún, sạt lở: 5% hoặc 200.000.000 đồng/mỗi vụ tổn thất (tuỳ theo số nào nhỏ hơn).

- Rủi ro khác: 5% hoặc 100.000.000 đồng/mỗi vụ tổn thất (tuỳ theo số nào nhỏ hơn).

b) Thiệt hại đối với bên thứ ba:

- Thiệt hại về tài sản: 30.000.000/mỗi vụ tổn thất

- Thiệt hại về người: Không áp dụng.

10. Về thủ tục khiếu nại, giải quyết bồi thường

10.1. Nguyên tắc giải quyết bồi thường:

- Khi xảy ra tổn thất, Nhà thầu bảo hiểm phải trực tiếp làm việc với Chủ đầu tư, Chủ đầu tư sẽ không làm việc trực tiếp với đơn vị giám định mà Nhà thầu bảo hiểm uỷ quyền hay bất cứ một bên nào khác.

- Việc tính toán giá trị bồi thường tổn thất được tính toán trên cơ sở hồ sơ thiết kế và dự toán xử lý khắc phục tổn thất được cấp thẩm quyền phê duyệt (bao gồm cả chi phí tư vấn khảo sát lập hồ sơ thiết kế, dự toán xử lý, bổ sung) trừ đi giá trị khấu trừ của mỗi vụ tổn thất (theo quy định của hợp đồng); phần giá trị còn lại thuộc trách

nhiệm của đơn vị bảo hiểm phải chi trả, bồi thường.

- Đối với trường hợp tổn thất có thể sửa chữa được: Giá trị bồi thường được tính theo chi phí cần thiết để phục hồi các hạng mục bị tổn thất trở lại trạng thái ban đầu trước khi xảy ra tổn thất (hoặc trạng thái đảm bảo an toàn theo hồ sơ thiết kế xử lý kỹ thuật được cấp thẩm quyền phê duyệt trong trường hợp việc sửa chữa, khắc phục tổn thất có hồ sơ thiết kế xử lý) trừ đi phần thu hồi (*nếu tài sản thu hồi thuộc Chủ đầu tư quản lý*).

- Đối với trường hợp tổn thất toàn bộ: Giá trị bồi thường được tính theo giá trị mua bảo hiểm của hạng mục đó ngay trước khi xảy ra tổn thất trừ đi phần thu hồi (*nếu tài sản thu hồi thuộc Chủ đầu tư quản lý*).

10.2. Thủ tục khiếu nại, giải quyết bồi thường:

- Trước khi triển khai thi công Chủ đầu tư sẽ thông báo đến Nhà thầu bảo hiểm và Nhà thầu bảo hiểm chủ trì tổ chức đánh giá xác định hiện trạng vật chất bên thứ 3 tại khu vực thi công với sự tham gia của Chủ đầu tư, Nhà thầu xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây dựng của dự án. Khi xảy ra tổn thất, Nhà thầu bảo hiểm tổ chức giám định và làm thủ tục bồi thường với sự tham gia của Chủ đầu tư và các đơn vị liên quan.

- Trong trường hợp có tổn thất xảy ra thuộc phạm vi bảo hiểm, Chủ đầu tư có trách nhiệm thông báo cho Nhà thầu bảo hiểm bằng điện thoại, zalo, hoặc email trong vòng **24 giờ** kể từ khi xảy ra tổn thất và sau đó phải có văn bản thông báo chậm nhất không quá **14 ngày** kể từ ngày xảy ra tổn thất. Sau khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư, trong vòng **03 ngày** làm việc Nhà thầu bảo hiểm phải có mặt tại hiện trường, chủ trì, phối hợp với Chủ đầu tư và đơn vị liên quan tiến hành giám định tại hiện trường và lập biên bản giám định, xác định nguyên nhân và các mức độ tổn thất (xác minh hiện trường, xác nhận nội dung, vị trí, hạng mục các công trình bị thiệt hại,...) làm cơ sở cho việc bồi thường thiệt hại và khiếu nại; nếu quá thời hạn trên mà Nhà thầu bảo hiểm không có mặt thì Nhà thầu bảo hiểm phải chấp nhận hiện trường và biên bản giám định do Chủ đầu tư, Nhà thầu xây dựng, tư vấn giám sát làm cơ sở thanh toán bồi thường.

- Sau khi hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xử lý kỹ thuật được cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, Chủ đầu tư thông báo và gửi quyết định phê duyệt, đơn vị bảo hiểm có trách nhiệm cử đại diện đến tiếp nhận hồ sơ tài liệu. Trong vòng **20 ngày** làm việc kể từ ngày ký biên bản xác định tổn thất và các bên giao nhận đầy đủ hồ sơ tài liệu thiết kế, dự toán xử lý kỹ thuật, Nhà thầu bảo hiểm sẽ tạm ứng số tiền bồi thường tương ứng **50%** (năm mươi phần trăm) tổn thất tạm tính cho Chủ đầu tư.

- Sau khi Chủ đầu tư tổ chức khắc phục xong các tổn thất, tiếp tục thông báo và đơn vị bảo hiểm cử đại diện đến nhận hồ sơ tài liệu liên quan đến công tác khắc phục để tổ chức giám định theo quy định và trả lời Chủ đầu tư trong vòng **05 ngày** làm việc kể từ ngày hoàn thành giao nhận hồ sơ tài liệu này. Trong vòng **20 ngày** làm việc kể từ ngày Chủ đầu tư hoàn thành đầy đủ hồ sơ khiếu nại bồi thường, Nhà thầu bảo hiểm phải giải quyết bồi thường dứt điểm cho Chủ đầu tư.

- Trường hợp Nhà thầu bảo hiểm chậm trả bồi thường quy định theo mốc thời hạn nêu trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất đối với số tiền chậm trả được xác định theo lãi suất cho vay mức cao nhất của Ngân hàng BIDV Sơn La tại thời điểm chậm trả.

- Phương thức bồi thường, trả tiền bảo hiểm: Nhà thầu bảo hiểm trả tiền bồi thường trực tiếp cho Chủ đầu tư bằng hình thức chuyển khoản

- Chủ đầu tư sẽ chuẩn bị hồ sơ khiếu nại bồi thường bao gồm các tài liệu:

+ Thông báo tổn thất (theo mẫu);

+ Biên bản xác nhận khối lượng hoàn thành: Trường hợp tổn thất thuộc khối lượng xây dựng dở dang không thể lập biên bản xác nhận khối lượng hoàn thành thì phải được thực hiện tại nhật ký thi công công trình hoặc các tài liệu khác có liên quan trong trường hợp nhật ký thi công bị thất lạc do sự cố khác liên quan;

+ Các tài liệu liên quan đến việc khắc phục sự cố;

+ Yêu cầu bồi thường của Chủ đầu tư;

+ Các tài liệu khác liên quan (nếu có).

- Nhà thầu bảo hiểm phải chủ động toàn bộ công việc liên quan đến gói thầu, bao gồm: Cử cán bộ, chuyên gia của mình để thu thập các thông tin, tài liệu phục vụ cho công việc của mình (*Chủ đầu tư trong phạm vi quyền hạn sẽ phối hợp với Nhà thầu trong quá trình thực hiện nhiệm vụ*) và tư vấn kịp thời cho chủ đầu tư về trình tự các bước công việc liên quan giải quyết bồi thường.

11. Về giám định tổn thất

11.1. Công ty giám định độc lập: Chủ đầu tư và Nhà thầu bảo hiểm sẽ họp bàn để quyết định lựa chọn một trong các công ty giám định đã được Nhà thầu bảo hiểm đề xuất trong E-HSDT, cụ thể là các công ty có tên dưới đây:

- Công ty

- Công ty

- Công ty

Hai bên sẽ nỗ lực tối đa phối hợp với công ty giám định để thực hiện việc giám định trong thời gian ngắn nhất. Việc giám định của đơn vị giám định, khi giám định phải thực hiện trên cơ sở hồ sơ thiết kế, dự toán hoặc hồ sơ sơ khắc phục tổn thất được cấp thẩm quyền phê duyệt hoặc chấp thuận của cơ quan chức năng và các quy định của hợp đồng này. Trong trường hợp cần thiết, tổn thất xảy ra có tính chất phức tạp các bên thống nhất sử dụng công ty giám định khác do Nhà thầu đề nghị và được Chủ đầu tư chấp thuận hoặc do Chủ đầu tư chỉ định.

11.2. Mọi chi phí cho việc giám định, phát sinh liên quan đến việc giám định tổn thất do Nhà thầu bảo hiểm chi trả.

Điều 6. Hình thức hợp đồng, giá hợp đồng

1. Hình thức hợp đồng: Trọn gói

2. Giá hợp đồng (phí bảo hiểm):

- Phí bảo hiểm được xác định với số tiền: đồng

Bằng chữ:

Trong đó:

+ Phí bảo hiểm trước thuế: đồng.

+ Thuế VAT (10%): đồng.

- Phí bảo hiểm sẽ cố định trong suốt thời gian bảo hiểm [khoản 5, Điều 5. Nội dung bảo hiểm].

- Phí bảo hiểm đã bao gồm toàn bộ các chi phí cơ bản, phụ phí bảo hiểm thuế, phí, lệ phí; Nhà thầu bảo hiểm có nghĩa vụ nộp thuế và các vấn đề liên quan khác theo quy định của pháp luật về thuế của Việt Nam. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu nhà nước có sự thay đổi về chính sách thuế trong quá trình thực hiện hợp đồng thì sẽ được cập nhật theo chính sách mới tại thời điểm đó.

Điều 7. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

- Giá trị của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Nhà thầu phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị là **đồng** (*Bằng chữ: đồng chẵn*) trong vòng 5,0 ngày làm việc kể từ ngày ký kết hợp đồng.

- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bằng thư bảo lãnh do ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành và phải là bảo đảm không có điều kiện (trả tiền khi có yêu cầu). Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được Chủ đầu tư chấp thuận và phải tuân thủ được Chủ đầu tư chấp thuận và phải tuân theo Mẫu 15 của E-HSMT [Bảo đảm thực hiện hợp đồng] (*hoặc theo mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận*). Nhà thầu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Chủ đầu tư và trước pháp luật về tính xác thực của bảo đảm thực hiện hợp đồng nộp cho Chủ đầu tư.

- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến cho đến ngày các bên hoàn thành xong nghĩa vụ theo hợp đồng. Trường hợp đến thời điểm hết hiệu lực bảo đảm thực hiện hợp đồng mà Nhà thầu chưa hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng thì Nhà thầu sẽ phải gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng cho tới khi công việc hoàn thành.

- Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Chủ đầu tư phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong vòng 30 ngày sau khi Nhà thầu đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ theo hợp đồng. Nhà thầu sẽ không được nhận lại bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp từ chối thực hiện hợp đồng đã có hiệu lực hoặc tự ý dừng thực hiện hợp đồng khi chưa được Chủ đầu tư cho phép và các trường hợp vi phạm khác được quy định trong hợp đồng. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Chủ đầu tư như một khoản bồi thường cho bất cứ thiệt hại nào phát sinh do lỗi của Nhà thầu khi Nhà thầu không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng.

Điều 8. Tạm ứng và thanh toán hợp đồng

1. Tạm ứng hợp đồng: Không thực hiện.

2. Phương thức thanh toán:

- Tiến độ thanh toán và giá trị thanh toán: Căn cứ vào kế hoạch vốn được giao của dự án, Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho các Nhà thầu theo quy định. Phí bảo hiểm được thanh toán là **03 (ba) lần**, cụ thể như sau:

+ Lần 1: Thanh toán 50% giá trị hợp đồng trong vòng 30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực và Chủ đầu tư nhận được bảo đảm thực hiện hợp đồng.

+ Lần 2: Thanh toán 40% giá trị hợp đồng sau khi hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đoạn Km63+500- Km74+500 được phê duyệt đầy đủ các hạng mục.

+ Lần 3: Chủ đầu tư sẽ tạm giữ 10% giá trị Hợp đồng để phục vụ công tác

quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành. Khoản tạm giữ nêu trên được chuyển vào tài khoản tạm giữ của Chủ đầu tư mở tại Phòng Nghiệp vụ 2 - Kho bạc nhà nước khu vực X để quản lý, thanh toán theo quy định (theo điểm b, khoản 1, điều 10, Nghị định 254/2025/NĐ-CP ngày 26/9/2025). Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu số tiền tạm giữ này sau khi quyết toán dự án hoàn thành được cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Hồ sơ thanh toán gồm: Bảng xác định giá trị cho những công việc hoàn thành theo hợp đồng đề nghị thanh toán được lập theo qui định của pháp luật về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công; thông báo thu phí; hóa đơn tài chính và các tài liệu liên quan (nếu có).

- Thời hạn thanh toán: Sau khi nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ theo qui định của hợp đồng và trên cơ sở kế hoạch vốn đã được cấp cho dự án, Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu trong vòng 10 ngày làm việc.

- Đơn vị thụ hưởng:

Đại diện là: - Chức vụ: Tổng Giám đốc

Địa chỉ:

Tài khoản: Mở tại:

Mã số thuế:

3. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

4. Đồng tiền thanh toán: Đồng tiền Việt Nam.

Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu

1. Quyền của nhà thầu

a) Thu phí bảo hiểm theo thoả thuận trong hợp đồng bảo hiểm;

b) Yêu cầu Chủ đầu tư cung cấp đầy đủ, trung thực mọi thông tin có liên quan đến việc giao kết và thực hiện hợp đồng bảo hiểm;

c) Hủy bỏ hợp đồng bảo hiểm quy định tại khoản 2 Điều 22 hoặc đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng bảo hiểm quy định tại Điều 26 của Kinh doanh bảo hiểm;

d) Từ chối bồi thường, trả tiền bảo hiểm trong trường hợp không thuộc phạm vi trách nhiệm bảo hiểm hoặc trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm theo thoả thuận trong hợp đồng bảo hiểm;

đ) Yêu cầu Chủ đầu tư áp dụng các biện pháp đề phòng, hạn chế tổn thất theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan;

e) Quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ của Nhà thầu:

a) Cung cấp cho Chủ đầu tư bản yêu cầu bảo hiểm, bảng câu hỏi liên quan đến rủi ro được bảo hiểm, đối tượng bảo hiểm, quy tắc, điều kiện, điều khoản bảo hiểm;

b) Giải thích rõ ràng, đầy đủ cho Chủ đầu tư về quyền lợi bảo hiểm, điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm, quyền và nghĩa vụ của Chủ đầu tư khi giao kết hợp đồng bảo hiểm;

c) Không quá 05 ngày sau khi nhận được thông báo bắt đầu thời hạn bảo hiểm bằng văn bản của Chủ đầu tư, Nhà thầu có trách nhiệm cung cấp Giấy chứng nhận bảo

hiểm công trình cho Chủ đầu tư.

d) Cấp hóa đơn thu phí bảo hiểm cho Chủ đầu tư trước khi Chủ đầu tư thanh toán phí bảo hiểm;

đ) Kể từ ngày ký hợp đồng, Nhà thầu có trách nhiệm thực hiện đúng các điều đã nêu trong hợp đồng đã ký kết, có trách nhiệm bồi thường các tổn thất phát sinh đối với đối tượng bảo hiểm cho bên được bảo hiểm kể từ thời điểm này.

e) Hướng dẫn rõ ràng, chi tiết về thủ tục lập hồ sơ khiếu nại cần thiết để yêu cầu bồi thường tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm.

f) Bồi thường, trả tiền bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm;

g) Giải thích bằng văn bản lý do từ chối bồi thường, trả tiền bảo hiểm;

h) Phối hợp với Chủ đầu tư để giải quyết yêu cầu của người thứ ba đòi bồi thường về những thiệt hại thuộc trách nhiệm bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm;

i) Thực hiện công việc đúng pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng và đảm bảo rằng nhân lực của Nhà thầu sẽ luôn tuân thủ luật pháp.

k) Nhà thầu có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan điểm về các nội dung của công việc trong các buổi họp trình duyệt của các cấp có thẩm quyền do bên giao thầu tổ chức.

l) Cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm theo yêu cầu của bên giao thầu cho tới ngày hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng.

m) Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra khi thực hiện không đúng nội dung hợp đồng đã ký kết.

n) Chịu trách nhiệm trước pháp luật, chủ đầu tư về kết quả do mình thực hiện. Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra khi thực hiện không đúng nội dung hợp đồng đã ký kết. Phối hợp với Chủ đầu tư khi dự án được thanh tra, kiểm tra, kiểm toán...; cử người có đủ chuyên môn cùng với chủ đầu tư chứng minh, bảo vệ sự chính xác, đầy đủ của các tài liệu liên quan đến khối lượng, chất lượng, giá thành trước các cơ quan có liên quan trong quá trình thực hiện công việc theo hợp đồng; báo cáo, giải trình và làm rõ với các cơ quan chức năng (như thanh tra, kiểm tra, kiểm toán...) về những công việc thuộc nhiệm vụ, trách nhiệm của nhà thầu. Trong trường hợp, thanh tra, kiểm toán, cơ quan phê duyệt quyết toán hoặc cấp có thẩm quyền có ý kiến kết luận dẫn đến giảm trừ giá trị hợp đồng (kể cả thời điểm đã thanh lý hợp đồng) thì nhà thầu có trách nhiệm nộp ngay số tiền phải giảm trừ vào ngân sách nhà nước ngay sau khi nhận được thông báo từ chủ đầu tư không được chậm trễ và không được từ chối vì bất kỳ lý do nào.

o) Lưu trữ hồ sơ hợp đồng bảo hiểm theo quy định của pháp luật;

p) Bảo mật thông tin do Chủ đầu tư, người được bảo hiểm cung cấp, trừ trường hợp theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc được sự đồng ý của Chủ đầu tư, người được bảo hiểm;

q) Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của Chủ đầu tư

1. Chủ đầu tư có các quyền sau đây:

a) Yêu cầu Nhà thầu cung cấp bản yêu cầu bảo hiểm, bảng câu hỏi liên quan đến rủi ro được bảo hiểm, đối tượng bảo hiểm, quy tắc, điều kiện, điều khoản bảo hiểm và giải thích các điều kiện, điều khoản bảo hiểm;

b) Yêu cầu Nhà thầu cấp hóa đơn thu phí bảo hiểm theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm và quy định của pháp luật có liên quan;

c) Hủy bỏ hợp đồng bảo hiểm quy định tại khoản 3 Điều 22 và Điều 35 hoặc đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng bảo hiểm quy định tại Điều 26 của Luật Kinh doanh bảo hiểm;

d) Yêu cầu Nhà thầu bồi thường, trả tiền bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm;

e) Quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Chủ đầu tư có các nghĩa vụ sau đây:

a) Kê khai đầy đủ, trung thực mọi thông tin có liên quan đến hợp đồng bảo hiểm theo yêu cầu của Nhà thầu;

b) Đọc và hiểu rõ điều kiện, điều khoản bảo hiểm, quyền, nghĩa vụ của Chủ đầu tư khi ký kết hợp đồng bảo hiểm và nội dung khác của hợp đồng bảo hiểm;

c) Đóng phí bảo hiểm đầy đủ, đúng hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng;

d) Thông báo cho Nhà thầu những trường hợp có thể làm tăng rủi ro hoặc giảm rủi ro hoặc làm phát sinh thêm trách nhiệm của Nhà thầu trong quá trình thực hiện hợp đồng bảo hiểm theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm;

đ) Thông báo cho Nhà thầu về việc xảy ra sự kiện bảo hiểm theo thỏa thuận trong hợp đồng; phối hợp với Nhà thầu trong giám định tổn thất;

e) Áp dụng các biện pháp đề phòng, hạn chế tổn thất theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan;

f) Giải quyết kiến nghị của Nhà thầu theo thẩm quyền trong quá trình thực hiện hợp đồng đúng thời hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

g) Hướng dẫn Nhà thầu về những nội dung liên quan đến dự án; tạo điều kiện để bên nhận thầu được tiếp cận với công trình, thực địa.

h) Cử người có năng lực phù hợp để làm việc với Nhà thầu.

i) Tạo điều kiện cho bên nhận thầu thực hiện công việc và thủ tục khác (nếu có).

k) Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Trách nhiệm đối với tái bảo hiểm

- Nhà thầu bảo hiểm chịu trách nhiệm duy nhất đối với Chủ đầu tư theo hợp đồng bảo hiểm, kể cả trong trường hợp tái bảo hiểm những trách nhiệm đã nhận bảo hiểm. Nhà thầu bảo hiểm không được từ chối hoặc trì hoãn thực hiện trách nhiệm của mình đối với Chủ đầu tư kể cả trường hợp doanh nghiệp, tổ chức nhận tái bảo hiểm không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tái bảo hiểm những trách nhiệm đã nhận.

- Doanh nghiệp, tổ chức nhận tái bảo hiểm không được yêu cầu bên mua bảo hiểm trực tiếp đóng phí bảo hiểm cho mình.

- Chủ đầu tư không được yêu cầu doanh nghiệp, tổ chức nhận tái bảo hiểm bồi

thường, trả tiền bảo hiểm cho mình.

- Nhà thầu bảo hiểm có trách nhiệm thu xếp tái bảo hiểm với Munich Re đảm bảo theo hồ sơ dự thầu được chủ đầu tư chấp thuận và tuân thủ quy định tại Điều 37 Nghị định số 67/2023/NĐ-CP ngày 06/9/2023 của Chính phủ.

Điều 12. Nhà thầu phụ

1. Nhà thầu phụ đề xuất trong E-HSDT:

2. Đối với Nhà thầu phụ chưa có danh sách trong Hợp đồng, Nhà thầu phải trình danh sách, hồ sơ năng lực và kinh nghiệm của Nhà thầu phụ cũng như phạm vi công việc mà Nhà thầu phụ sẽ đảm nhận để Chủ đầu tư xem xét chấp thuận bằng văn bản trước khi ký hợp đồng thầu phụ.

3. Tổng giá trị hợp đồng dành cho các Nhà thầu phụ đảm bảo không vượt quá 30% giá trị hợp đồng mà Nhà thầu đã ký kết.

4. Nhà thầu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Chủ đầu tư về chất lượng, tiến độ cũng như các sai sót của Nhà thầu phụ.

5. Nhà thầu cam kết với Chủ đầu tư rằng sẽ thanh toán đầy đủ, đúng hạn các khoản chi phí cho Nhà thầu phụ được quy định trong hợp đồng thầu phụ.

Điều 13. Tạm dừng và chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư

13.1. Tạm dừng thực hiện công việc của hợp đồng bởi Chủ đầu tư

- Nếu Nhà thầu không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, Chủ đầu tư có thể ra thông báo yêu cầu Nhà thầu phải thực hiện và sửa chữa các sai sót trong khoảng thời gian hợp lý, cụ thể. Chủ đầu tư quyết định dừng thực hiện công việc trong hợp đồng và yêu cầu khắc phục hậu quả khi Nhà thầu không đáp ứng theo các thoả thuận hợp đồng đã ký kết.

- Trong trường hợp cấp có thẩm quyền hoặc Chủ đầu tư yêu cầu tạm dừng để triển khai công tác điều chỉnh dự án theo quy định nhằm tránh thất thoát lãng phí vốn đầu tư; sau khi hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh dự án Nhà thầu tiếp tục thực hiện Hợp đồng hoặc khối lượng điều chỉnh, bổ sung theo hồ sơ được duyệt của cấp thẩm quyền (nếu có) trong phạm vi công việc của gói thầu.

Trước khi tạm dừng, Chủ đầu tư thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu không ít hơn 10 ngày và trong thông báo sẽ nêu rõ lý do tạm dừng.

13.2. Chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư

Chủ đầu tư sẽ được quyền chấm dứt hợp đồng nếu Nhà thầu:

a) Không thực hiện bảo đảm thực hiện hợp đồng hoặc một thông báo theo khoản 13.1 của hợp đồng này [Tạm dừng thực hiện công việc của Hợp đồng bởi Chủ đầu tư];

b) Bỏ dở công việc hoặc thể hiện rõ ràng ý định không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng;

c) Giao thầu phụ lớn hơn 30% giá trị Hợp đồng hoặc chuyển nhượng hợp đồng mà không có sự chấp thuận của Chủ đầu tư;

d) Bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được ủy quyền hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này;

Nếu có ở một trong những trường hợp này, Chủ đầu tư có thể bằng cách thông báo cho Nhà thầu trước 21 ngày, chấm dứt hợp đồng và trục xuất Nhà thầu ra khỏi công trường. Tuy nhiên, trong trường hợp của điểm (d) Chủ đầu tư có thể thông báo chấm dứt hợp đồng ngay lập tức.

Sự lựa chọn của Chủ đầu tư trong việc quyết định chấm dứt hợp đồng sẽ không được làm ảnh hưởng đến các quyền lợi khác của Chủ đầu tư theo hợp đồng.

Chủ đầu tư sẽ thông báo cho Nhà thầu giải phóng các thiết bị, công trình tạm (nếu có) của Nhà thầu ở tại hoặc gần công trường. Ngay khi nhận được thông báo, trong thời gian 05 ngày, Nhà thầu phải tiến hành tháo dỡ, di chuyển các thiết bị, công trình tạm này. Rủi ro và chi phí cho việc này sẽ do Nhà thầu chịu. Tuy nhiên, nếu đến lúc này mà Nhà thầu còn nợ Chủ đầu tư một khoản thanh toán nào thì Chủ đầu tư được quyền bán chúng để lấy lại tiền. Số tiền dư ra (nếu có) sẽ được trả cho Nhà thầu.

13.3. Thanh toán sau khi chấm dứt hợp đồng

Sau khi thông báo chấm dứt hợp đồng theo khoản 13.2 của hợp đồng này [Chấm dứt Hợp đồng bởi Chủ đầu tư] có hiệu lực, Chủ đầu tư có thể:

a) Không thanh toán thêm cho Nhà thầu cho đến khi hoàn thành và sửa chữa các sai sót và hư hỏng do chậm trễ trong thời gian hoàn thành (nếu có) và các chi phí khác mà Chủ đầu tư chấp thuận đã được xác định;

b) Thu lại từ Nhà thầu các phí tổn do hư hỏng, mất mát mà Chủ đầu tư phải chịu và các chi phí thêm khác của việc hoàn thành hợp đồng, sau khi tính đến bất kỳ một khoản nợ nào đối với Nhà thầu. Sau khi đã thu hồi lại từ các mất mát, hư hỏng và các chi phí thêm, Chủ đầu tư sẽ thanh toán phần tiền cân đối còn lại cho Nhà thầu.

Điều 14. Tạm dừng và chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu

14.1. Tạm dừng công việc của Nhà thầu

Chủ đầu tư không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ phí bảo hiểm theo thời hạn đã thoả thuận tại Điều 8. Tạm ứng và thanh toán hợp đồng vượt quá 30 ngày khi đủ điều kiện thanh toán; Nhà thầu có thể, sau khi thông báo cho Chủ đầu tư không muộn hơn 30 ngày, sẽ tạm dừng công việc (*hoặc giảm tỷ lệ công việc*) trừ khi và cho đến khi Nhà thầu được thanh toán theo các điều khoản của hợp đồng, tùy từng trường hợp và như đã mô tả trong thông báo. Việc tạm dừng công việc của Nhà thầu theo khoản này không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Nhà thầu đối với các chi phí tài chính và để chấm dứt hợp đồng theo khoản 14.2 của Hợp đồng [Chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu].

Nếu Nhà thầu tiếp đó nhận được thanh toán trước khi thông báo chấm dứt hợp đồng, Nhà thầu phải tiếp tục tiến hành công việc trở lại như bình thường ngay khi có thể được.

14.2. Chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu

Nhà thầu được quyền chấm dứt hợp đồng nếu:

a) Nhà thầu không nhận được số tiền được thanh toán trong vòng 45 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ và có đủ nguồn vốn được bố trí;

b) Chủ đầu tư về cơ bản không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng;

c) Chủ đầu tư bị phá sản, vỡ nợ, đóng cửa, bị quản lý tài sản phải điều đình với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự điều hành của người được ủy thác hoặc người

đại diện cho quyền lợi của chủ nợ hoặc nếu đã có hành động hoặc sự kiện nào đó xảy ra (theo các Luật hiện hành) có tác dụng tương tự tới các hành động hoặc sự kiện đó.

Trong bất cứ sự kiện hoặc trường hợp nào được nêu trên, Nhà thầu có thể bằng thông báo trước 30 ngày cho Chủ đầu tư để chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên trong trường hợp của điểm c Nhà thầu có thể thông báo chấm dứt hợp đồng ngay lập tức.

Điều 15. Xử lý vi phạm hợp đồng

1. Phạt vi phạm hợp đồng: Áp dụng

- Chậm tiến độ thực hiện xác định tổn thất của Nhà thầu, giám định tổn thất của đơn vị giám định do Nhà thầu mời hoặc chậm trả tiền bồi thường: Chủ đầu tư sẽ khấu trừ 0,1%/ ngày giá trị công việc chậm thực hiện. Tổng khấu trừ tối đa là 12% tổng giá trị chậm tiến độ. Khi đạt mức tối đa Chủ đầu tư sẽ xem xét chấm dứt Hợp đồng theo quy định.

- Trường hợp Nhà thầu bảo hiểm vi phạm một trong các điều khoản hợp đồng hoặc chậm trễ, cố tình chây ỳ trong thực hiện việc bồi thường các tổn thất công trình hoặc với bên thứ 3, Chủ đầu tư sẽ thu hồi ngay bảo đảm hợp đồng; đồng thời Nhà thầu bảo hiểm phải hoàn trả cho Chủ đầu tư toàn bộ kinh phí đã được Chủ đầu tư thanh toán của hợp đồng này.

2. Bồi thường thiệt hại: Áp dụng

- Bồi thường thiệt hại: Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế, theo quy định của pháp luật có liên quan.

- Mức bồi thường thiệt hại: Nhà thầu phải bồi thường toàn bộ và kịp thời thiệt hại thực tế (bao gồm cả các phát sinh do không hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng).

- Phương thức bồi thường: Một lần, bằng tiền Nhà thầu nộp trực tiếp cho Chủ đầu tư.

Điều 16. Quyết toán và thanh lý hợp đồng

1. Quyết toán hợp đồng

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng, khi nhận được Biên bản nghiệm thu và xác nhận của Chủ đầu tư rằng Nhà thầu đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ theo quy định của hợp đồng, Nhà thầu sẽ trình cho Chủ đầu tư 10 bộ tài liệu quyết toán hợp đồng, hồ sơ quyết toán bao gồm:

- a) Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc .
- b) Bản xác nhận giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có).
- c) Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng.

Nếu Chủ đầu tư không đồng ý hoặc cho rằng Nhà thầu chưa cung cấp đủ cơ sở để xác nhận một phần nào đó của tài liệu quyết toán hợp đồng, Nhà thầu sẽ cung cấp thêm thông tin khi Chủ đầu tư có yêu cầu hợp lý và sẽ thay đổi theo sự thống nhất của hai bên. Nhà thầu sẽ chuẩn bị và trình cho Chủ đầu tư quyết toán hợp đồng như hai bên đã thống nhất.

2. Việc thanh lý hợp đồng phải được hoàn tất trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc bị chấm dứt hợp đồng.

Điều 17. Giải quyết tranh chấp

Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải. Thời gian để tiến hành hòa giải là 30 ngày. Trường hợp thương lượng không có kết quả thì trong thời gian 15 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh tranh chấp hợp đồng không thể hòa giải, các bên sẽ gửi vấn đề lên Trọng tài để giải quyết tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam (hoặc Tòa án Nhân dân tỉnh Sơn La). Quyết định của Trọng tài (hoặc Tòa án Nhân dân) là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên, bên nào vi phạm phải chịu chi phí giải quyết tranh chấp theo quy định. Hợp đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các điều khoản về giải quyết tranh chấp.

Điều 18. Hiệu lực của hợp đồng

- Hai bên cam kết thực hiện đúng những điều đã quy định trong hợp đồng này.
- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ thời điểm ngày thángnăm 2025 và sau khi Chủ đầu tư đã nhận được bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Điều 7 của hợp đồng.
- Tính pháp lý của hợp đồng xây dựng: Hợp đồng có hiệu lực là cơ sở pháp lý mà Chủ đầu tư, Nhà thầu và các bên liên quan có nghĩa vụ thực hiện; Hợp đồng có hiệu lực là cơ sở để giải quyết tranh chấp giữa các bên. Các tranh chấp phát sinh ngoài hợp đồng sẽ được giải quyết trên cơ sở các quy định, của pháp luật có liên quan.

Điều 19. Điều khoản chung

- Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về việc Nhà thầu dùng Hợp đồng để vay vốn.
- Hai bên cam kết thực hiện đúng những Điều đã quy định trong hợp đồng này. Khi một bên có kiến nghị, đề xuất, yêu cầu thì bên kia phải có trách nhiệm trả lời.
- Hợp đồng này bao gồm ... trang và Phụ lục số 01- Yêu cầu về hợp đồng (điều kiện chung của hợp đồng và điều kiện cụ thể của hợp đồng ban hành kèm theo E-HSMT của Chủ đầu tư), được lập thành 10 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau (Chủ đầu tư giữ 06 bản, Nhà thầu giữ 04 bản)/.

NHÀ THẦU

CHỦ ĐẦU TƯ